

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-CDCT ngày tháng năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công Thương thành phố Hồ Chí Minh)

Tên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

Chuyên ngành: QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

Mã ngành: 6340404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 3 năm

TT	Mã môn học	Tên môn học, môn học	Số tín chỉ	Thời gian (tiết)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	TH/ thực tập/ BT/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
Học kỳ 1: 15 Tín chỉ (Không tính môn học GDQP và AN)							
Môn học bắt buộc			15	300	111	174	15
1	226020	Pháp luật đại cương	2	30	18	10	2
2	229126	Tin học	3	75	15	57	3
3	224003/200001	Anh văn 1/ Tiếng Nhật 1	3	45	18	24	3
4	226026	Quản trị học	2	45	15	28	2
5	226016	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
6	225087	Nguyên lý thống kê	3	60	30	27	3
7	234012	Giáo dục quốc phòng và An ninh	5	75	57	13	5
Học kỳ 2: 17 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			15	240	104	121	15
8	223008	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
9	224004/200002	Anh văn 2/ Tiếng Nhật 2	3	45	18	24	3
10	226158	Luật kinh doanh quốc tế	2	30	17	11	2
11	226160	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	45	15	28	2
12	222034	Toán ứng dụng C	3	45	13	29	3
Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
13.1	226025	Quản trị hành chính văn phòng	2	30	15	13	2
13.2	226035	Soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2
Môn học Giáo dục thể chất 1 tự chọn			2	30	6	22	2

14.1	234002	Bóng chuyền 1	2	30	6	22	2
14.2	234006	Bóng đá 1	2	30	6	22	2
14.3	234007	Bóng rổ 1	2	30	6	22	2
14.4	234008	Cầu lông 1	2	30	6	22	2
14.5	234009	Aerobic 1	2	30	6	22	2
Học kỳ 3: 21 Tín chỉ (không tính môn học GDTC)							
Môn học bắt buộc			19	375	159	197	19
Kỹ năng mềm (chọn 1 trong 3 module sau)			2	30	6	22	2
15.1	226036	Module 1					
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.					
		+ Kỹ năng dự tuyển việc làm.					
		+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.					
15.2	226037	Module 2					
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.					
		+ Kỹ năng dự tuyển việc làm.					
		+ Kỹ năng thuyết trình.					
15.3	226038	Module 3					
		+ Kỹ năng khám phá và phát triển bản thân.					
		+ Kỹ năng giao tiếp tại nơi làm việc.					
		+ Kỹ năng thuyết trình.					
16	224016/ 200003	Anh văn 3/ Tiếng Nhật 3	3	45	18	24	3
17	226058	Logistics	2	45	15	28	2
18	226184	Khởi tạo doanh nghiệp	2	45	15	28	2
19	226078	Thuế trong kinh doanh	2	45	15	28	2
20	226190	Quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng	3	60	30	27	3
21	226156	Giao dịch thương mại quốc tế	3	60	45	12	3
22	226101	Đàm phán trong kinh doanh	2	45	15	28	2
Môn học tự chọn			2	30	15	13	2
23.1	226036	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2
23.2	226018	Nghệ thuật lãnh đạo	2	30	15	13	2
Môn học Giáo dục thể chất 2 tự chọn			2	30	6	22	2
24.1	234003	Bóng chuyền 2	2	30	6	22	2
24.2	234010	Bóng đá 2	2	30	6	22	2
24.3	234011	Bóng rổ 2	2	30	6	22	2
24.4	234013	Cầu lông 2	2	30	6	22	2

24.5	234014	Aerobic 2	2	30	6	22	2
Học kỳ 4: 19 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			17	375	165	193	17
25	226140	Quản trị chuỗi cung ứng	2	45	15	28	2
26	226051 /200004	Anh văn chuyên ngành xuất nhập khẩu/ Tiếng Nhật 4	2	45	15	28	2
27	226177	Vận tải bảo hiểm hàng hoá XNK	3	60	45	12	3
28	226070	Thanh toán quốc tế (QTKD)	3	60	45	12	3
29	226103	Thủ tục hải quan hàng hoá XNK	2	45	15	28	2
30	226258	Digital Marketing	3	60	30	27	3
31	226204	<i>Chuyên đề: Xử lý tình huống trong kinh doanh</i>	1	30	0	29	1
32	226203	<i>Chuyên đề: Lập kế hoạch kinh doanh</i>	1	30	0	29	1
Môn học tự chọn			2	45	15	28	2
33.1	226168	Quản trị tài chính quốc tế	2	45	15	28	2
33.2	226034	Quản trị thương hiệu	2	45	15	28	2
Học kỳ 5: 18 Tín chỉ							
Môn học bắt buộc			16	555	75	463	17
34	226200	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa XNK và thực tế cảng	2	60	15	42	3
35	226165	Quản trị chiến lược	3	60	45	12	3
36	226259	Tiếng Anh trong kinh doanh quốc tế	2	45	15	28	2
37	226260	<i>Chuyên đề: Thực hành chứng từ XNK</i>	1	45	0	44	1
38	226261	<i>Chuyên đề: Thư tín thương mại quốc tế</i>	1	30	0	29	1
39	226262	<i>Chuyên đề: Thực hành nghiệp vụ giao nhận hiện trường và thủ tục hải quan</i>	1	45	0	44	1
40	226263	<i>Chuyên đề: Mua bán hàng hóa quốc tế</i>	1	45	0	44	1
41	226182	Thực tập tốt nghiệp (XNK)	5	225	0	220	5
Môn học tự chọn			2	45	15	28	2
42.1	226167	Quản trị nhân sự	2	45	15	28	2
42.2	226041	Tâm lý kinh doanh	2	45	15	28	2
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ							
Môn học tự chọn			5	225	0	220	5
43.1	226057	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	220	5
<i>Môn học thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>							
43.2	226074	Thương mại điện tử	3	60	30	27	3

43.3	226083	Marketing quốc tế	2	45	15	28	2
------	--------	-------------------	---	----	----	----	---